TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2021/DS-ST
Ngày: 14 - 5 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm

2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Trương Hà Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: A

Địa chỉ: đường A1, Phường A2, Quận A3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông A4, trú tại: đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 363/2020/GUQ-CN.ĐBP ngày 07 tháng 9 năm 2020, số 596/2020/GUQ-CN.Q10 ngày 16 tháng 12 năm 2020 và số 612/2020/GUQ-CN.Q10 ngày 28 tháng 12 năm 2020) vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà B, sinh năm: 1996

Địa chỉ: đường B1, Phường B2, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2020 của A và quá trình giải quyết vụ án ông A4 là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 20/11/2019, A -

Chi nhánh Điện Biên Phủ - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ (sau đây viết tắt là A) và bà B có ký kết Hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 5720844 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của A). Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu) đồng, số thẻ 472075-7951, loại thẻ: VS payWave Cre Gold. Mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất tại thời điểm làm thẻ: 31,2%/năm.

Thực hiện hợp đồng, A đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu) đồng cho B. Từ ngày 22/12/2019 đến 22/02/2020, B đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 119.999.800 đồng. B chỉ mới trả được một phần tiền nợ gốc, nợ lãi và phí là 84.950.000 đồng. Do B vi phạm hợp đồng tín dụng nên A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 06/7/2020. A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 14/5/2021 là 59.352.192 đồng (trong đó nợ gốc: 42.859.664 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.492.528 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ sau ngày 14/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai và hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng B vắng mặt nên không có lời khai tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của A là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà B có trách nhiệm trả cho A số tiền nợ gốc 42.859.664 đồng và tiền lãi nợ quá hạn tạm tính đến ngày 14/5/2021 là 16.492.528 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* A khởi kiện yêu cầu bà B trả tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ 61 đường Đinh Điền, Phường 02, quận

Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Ông A4 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông A4.

[1.3] Theo kết quả trả lời xác minh của Công an Phường 02, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì *"Bà B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 61 Đinh Điền, Phường 02, quận Tân Bình. Hiện tại bà B không còn thực tế cư trú tại địa chỉ trên, chuyển đi đâu không rõ từ tháng 3/2020 đến nay"*. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng nhưng người bị kiện không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú và không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Bà B (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B.

[1.4] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908, đăng ký lần đầu: Ngày 13 tháng 01 năm 1992 và đăng ký lần cuối cùng: Ngày 26 tháng 01 năm 2018 thì A (sau đây viết tắt là A) là tổ chức tín dụng. A - Chi nhánh Điện Biên Phủ - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ và bà B đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 5720844 ngày 20/11/2019. Tại thời điểm giao kết, chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự. Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của A. Hình thức hợp đồng được lập bằng văn bản nên được xác định là hợp pháp, có hiệu lực kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh

quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện giữa A và bà B có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 5720844 ngày 20/11/2019 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của A. Theo đó, A đã cấp cho B thẻ tín dụng loại thẻ: VS payWave Cre Gold, số thẻ 472075-7951, với hạn mức tín dụng là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu) đồng. Mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất: 31,2%/năm. Quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 119.999.800 đồng, đã thanh toán cho A được một phần tiền nợ gốc, nợ lãi và phí là 84.950.000 đồng, sau đó bị đơn không tiếp tục thanh toán. A đã nhiều lần có công văn nhắc nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên A đã căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Mục 13 và Mục 24 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của A và quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc 42.859.664đ (Bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi bốn) đồng sang nợ quá hạn kể từ ngày 06/7/2020.

[2.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 42.859.664đ (Bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi bốn) đồng và nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 14/5/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là 16.492.528đ (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn năm trăm hai mươi tám) đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm (14/5/2021) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 59.352.192đ (Năm mươi chín triệu ba trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai) đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự. Án phí bị đơn phải chịu là 2.967.610đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm mười) đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.114.675đ (Một triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0068367 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117; Điều 119; Điều 280; Điều 401; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91; khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A.

1.1. Buộc bà B phải thanh toán trả A số tiền nợ gốc: 42.859.664đ (Bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi bốn) đồng và khoản tiền nợ lãi quá hạn: 16.492.528đ (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn năm trăm hai mươi tám) đồng; tổng cộng là 59.352.192đ (Năm mươi chín triệu ba trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai) đồng tính đến ngày 14/5/2021 phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 5720844 ngày 20/11/2019.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay (bà B) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.967.610đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm mười) đồng. B chưa nộp án phí.

Hoàn trả lại cho A số tiền 1.114.675đ (Một triệu một trăm mười bốn nghìn sáu trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0068367 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính